

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-4-2021

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình: Ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 936/12, khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, thị trấn PH1, huyện TS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thu T; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Chị T và anh T1 do hai bên gia đình mai mối nên tiến đến hôn nhân năm 2009, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 tại UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chị T tại thành phố Long Xuyên được khoảng hai năm thì dọn về nhà anh T1 ở thị trấn Phú Hòa sinh sống.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi do tính tình không phù hợp, mặc dù đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không được nên chị T đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở thành phố Long Xuyên sinh sống và quyết định sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh T1 có vài lần gặp chị T để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 09/11/2012 và Lê Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay cháu K đang sống cùng anh T1, còn cháu Q thì đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao cháu K cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được nuôi cháu Q, hai bên không cấp dưỡng qua lại.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Văn T1 trình bày:*

Anh T1 và chị T do hai bên tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống năm nào anh không nhớ rõ, nhưng cả hai có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Hòa. Quá trình chung sống mặc dù có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh T1 thì chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống vợ chồng. Đến khoảng tháng 05/2020 thì chị T về chăm sóc mẹ ruột bị bệnh sau đó thì không chịu quay về chung sống, anh T1 cũng không biết vì lý do gì, anh có vài lần đến năn nỉ chị T quay về chung sống nhưng chị T cương quyết không về và yêu cầu ly hôn. Anh T1 nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục hôn nhân nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 09/11/2012 và Lê Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay cháu K đang sống cùng anh T1, còn cháu Q thì đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh T1 đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu K và đồng ý giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng qua lại.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn anh T1, yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Phú Q, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng K cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Lê Văn T1 đã được Tòa án thông báo triệu tập để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh T1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh T1; giao cháu Nguyễn Hoàng K cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu

Nguyễn Hoàng Phú Q cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng qua lại. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị Thu T và anh Lê Văn T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2013, do UBND thị trấn Phú Hòa cấp ngày 19/02/2013). Anh Lê Văn T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp PH, thị trấn PH1, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Lê Văn T1 vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

#### *[3] Xét việc tranh chấp:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/02/2013 tại UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mặc dù cả hai đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không được nên chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và quyết định sống ly thân với anh T1 từ đầu năm 2020 đến nay. Khi sống ly thân anh T1 có hàn gắn nhưng vẫn không được, nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị T yêu cầu ly hôn anh T1.

Theo anh T1 trình bày quá trình chung sống mặc dù vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng, không rõ vì lý do gì mà chị T về nhà cha mẹ ruột không quay về và yêu cầu ly hôn, mặc dù anh T1 đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

[3.2] Thấy rằng, hôn nhân muốn tồn tại và phát triển cần xuất phát từ tình cảm của vợ chồng. Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh T1 xuất hiện những mâu thuẫn nhưng cả hai không có biện pháp hàn gắn, khi chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 cũng thống nhất ly hôn cho thấy mâu thuẫn giữa cả hai đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có đủ cơ sở cho chị T ly hôn với anh T1.

*[4] Về con chung:* Có hai con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 09/11/2012 và Lê Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/01/2016. Hiện nay cháu K đang sống cùng anh T1, còn cháu Q thì đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu Q và đồng ý giao cháu K cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng qua lại. Anh T1 cũng đồng ý nuôi cháu K và giao cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng cũng không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu K thể hiện nguyện vọng của cháu muốn sống với cha nếu cha mẹ ly hôn. Xét nguyện vọng của cháu là phù hợp với yêu cầu của chị T, anh

T1 và để ổn định sự phát triển bình thường của cháu nên cần giao cháu K cho anh T1 nuôi dưỡng, cháu Q cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không cấp dưỡng qua lại.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T và anh T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị T và anh T1 trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Lữ Hoàng Giang không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Lê Văn T1.

2. *Về con chung*: Có hai con chung tên Lê Hoàng K, sinh ngày 09/11/2012 và Lê Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/01/2016. Giao cháu Lê Hoàng K cho anh Lê Văn T1 tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Lê Nguyễn Phú Q cho chị Lê Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng qua lại.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Lệ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008091 ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Anh Lê Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng Kc.

3. *Về quyền Kng cáo*: Các đương sự có quyền Kng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn Kng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 8/2013, do UBND thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 19/02/2013 cho chị Lê Thị Thu T và anh Lê Văn T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND TT.Phú Hòa (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Linh**